

Số: 2399/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Đính chính danh mục 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ do Viện Ứng dụng công nghệ đề xuất để đưa ra tuyển chọn bắt đầu thực hiện từ năm 2023

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ quyết định số 1936/QĐ-BKHCN ngày 12/7/2016 về việc ủy quyền Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Viện trưởng Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Viện trưởng Viện Ứng dụng công nghệ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, quản lý các nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-BKHCN ngày 01/02/2019 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1563/QĐ-BKHCN ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt danh mục 17 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ do Viện Ứng dụng công nghệ đề xuất để đưa ra tuyển chọn bắt đầu thực hiện từ năm 2023;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Ứng dụng công nghệ tại công văn số 433/UDCN ngày 17/11/2022 và Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này đính chính danh mục 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ giao cho Viện Ứng dụng công nghệ để đưa ra tuyển chọn dự kiến bắt đầu thực hiện từ năm 2023 (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Viện trưởng Viện Ứng dụng công nghệ có trách nhiệm tổ chức tuyển chọn các nhiệm vụ trong danh mục theo Quyết định ủy quyền số 1936/QĐ-BKHHCN ngày 12/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành.

Điều 3. Viện trưởng Viện Ứng dụng công nghệ, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VP.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Giang



PHỤ LỤC

DANH MỤC ĐỊNH CHỈNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ

(Kèm theo Quyết định số: 2399/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

ST T	Tên nhiệm vụ KH&CN	Mục tiêu	Kết quả dự kiến	Dự kiến thời gian thực hiện	Phương thức tổ chức thực hiện	Ghi chú
1	Nghiên cứu chế tạo thiết bị và xây dựng quy trình công nghệ thấm nitơ thể khí trong chân không hoàn thiện công nghệ Duplex.	<p>Chế tạo được thiết bị thấm nitơ chân không có khả năng tự động điều khiển chính xác quá trình thấm nitơ thông qua điều khiển các thông số công nghệ thấm (nhiệt độ, thời gian, áp suất lò thấm) và thể thấm nitơ.</p> <p>Xây dựng và làm chủ quy trình công nghệ thấm nitơ cho thép dụng cụ SKD61 (chiều dày lớp trắng nhỏ hơn 2 μm) và thép không gỉ</p>	<p>* Sản phẩm dạng I:</p> <ul style="list-style-type: none">- 01 hệ thống lò thấm nitơ chân không điều khiển chính xác lưu lượng khí với các thông số chính:<ul style="list-style-type: none">+ Kích thước sử dụng: $\text{Ø}600 \times 400 \text{ mm}$.+ Kích thước tổng thể lò: $\text{Ø}1250 \times 1460 \text{ mm}$.+ Nhiệt độ tối đa đạt được: 1000°C.+ Khối lượng (thép) một lần thấm nitơ tối đa: 100 kg.+ Độ đồng đều nhiệt trong lò tại nhiệt độ thấm: $\pm 2^\circ\text{C}$.+ Độ chân không đạt tối thiểu cần đạt: 10^{-2} mBar.+ Khả năng điều khiển lưu lượng khí (NH_3 và N_2) nằm trong dải: $2 \div 100 \%$ lưu lượng tối đa.	24 tháng	Tuyển chọn	



Lab

		<p>+ Tủ điều khiển điện lò thấm kích thước 1200x600x350 mm (Bao gồm thiết bị đóng ngắt điện tự động, điều khiển nhiệt độ trong lò, máy tính điều khiển).</p> <p>+ Hệ thống điều khiển lưu lượng khí tự động (01 van điều khiển tuyến tính N₂ loại 50 lít/phút, 01 van điều khiển tuyến tính khí NH₃ loại 35 lít/phút, 01 cảm biến đo nồng độ khí H₂, van điều khiển xả khí ra khỏi lò).</p> <p>+ Mức chất lượng sản phẩm: Mức chất lượng lò thấm N được đánh giá thông qua mẫu thấm nito có kích thước 50x50x50 mm. Đối với thép SKD61 chiều dày lớp trắng tối đa cho phép (<2 μm), độ cứng bề mặt lớp thấm (>900 HV), tổng chiều dày lớp thấm (>100 μm). Đối với thép không gỉ chiều dày lớp thấm tối thiểu (>20 μm), độ cứng bề mặt lớp thấm (>900 HV).</p> <p>- 05 mẫu thép SKD61 được thấm Nito đạt mức chất lượng sản phẩm.</p> <p>- 05 mẫu thép không gỉ đạt mức chất lượng sản phẩm.</p> <p>* Sản phẩm dạng II:</p> <p>- 01 Tài liệu thiết kế lò (bản vẽ thiết kế, lắp ráp, quy trình chế tạo).</p> <p>- 01 Tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị.</p> <p>- 01 Quy trình công nghệ thấm N cho thép dụng cụ SKD61 đảm bảo yêu cầu mức chất lượng sản</p>			
--	--	---	--	--	--

Handwritten signature or mark.



			<p>phẩm.</p> <p>- 01 Quy trình công nghệ thấm N cho thép dụng cụ SKD61 thép không gỉ (AISI 420 hoặc 316 L) đảm bảo yêu cầu mức chất lượng sản phẩm.</p> <p>* Sản phẩm dạng III: 01 bài báo được chấp nhận đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành.</p>			
--	--	--	--	--	--	--

60

